

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng;

2. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Đức Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh N.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh N tham gia phiên tòa:** bà Dương Thị Tiểu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1994; nơi cư trú: tổ 01, ấp P, xã N, huyện D, tỉnh N (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** anh Lê Tấn P, sinh năm 1982; nơi cư trú: số 13, hẻm số 5, đường lộ 10, ấp T, xã TT, thành phố T, tỉnh N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh P chung sống từ năm 2010, đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tân, thành phố T, tỉnh N. Vợ chồng sống chung đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị chơi hụi bị bề hụi gây nợ nần, còn anh P thì chơi cá độ đá banh gây nợ nần hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại huyện D sinh sống từ giữa năm 2024 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 tên là Lê Trung T, sinh năm 2011 và Lê Thị Trà G, sinh năm 2017. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, tuy nhiên tôn trọng sự lựa chọn của các con. Nếu chị nuôi dưỡng cháu Giang, giao cháu Trục lại cho anh P nuôi dưỡng thì chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, và chị cũng không cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

Về tài sản chung và nợ chung hai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến và yêu cầu của bị đơn chị anh Lê Tấn P trình bày:*

Anh P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh N phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Lê Tấn P. Về con chung: giao con chung là cháu Lê Trung T, sinh năm 2010 cho anh Lê Tấn P, giao cháu Lê Thị Trà G cho chị Nguyễn Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Tấn P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Tấn P chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tân, thành phố T, tỉnh N nên hôn nhân của chị L và anh P là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị L thì hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ, hai vợ chồng không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh P. Anh chị cũng đã ly thân từ giữa năm 2024 cho đến nay. Anh P đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt thể hiện không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị L. Xét thấy

mẫu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Lệ với anh Lê Tấn P, chị L được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: xét nguyện vọng của các con chung thì thấy rằng, cháu Lê Trung T, sinh năm 2011 có nguyện vọng muốn được sống chung với ba, cháu Lê Thị Trà G, sinh năm 2017 có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Do đó để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn và theo nguyện vọng của các con nên giao cháu Lê Trung T, sinh năm 2011 cho anh P, giao cháu Lê Thị Trà G, sinh năm 2017 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, ghi nhận chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị L, anh P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh N là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Lê Tấn P.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Lê Thị Trà G, sinh năm 2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Lê Trung T, sinh năm 2010 cho anh Lê Tấn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn anh P, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị L, anh P không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0003394 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh N, chị L đã thi hành xong tiền án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND N;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Ly